

QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

*(Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 của Hiệu Trưởng
trường Đại học Tây Đô)*

Quy chế này quy định những vấn đề chung nhất về quy trình tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả học tập, xử lý học vụ và cấp văn bằng tốt nghiệp đối với sinh viên bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy tại trường Đại học Tây Đô. Quy chế này là văn bản pháp qui cơ bản để điều hành mọi hoạt động giảng dạy, học tập, quản lý đào tạo thống nhất trong toàn Trường. Quy chế này sẽ được điều chỉnh, bổ sung hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định công tác đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, bao gồm: tổ chức đào tạo; đăng ký học phần, đánh giá kết quả học tập; xét và công nhận tốt nghiệp.

2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khóa đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Tây Đô thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ.

Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

1. **Chương trình đào tạo** của mỗi ngành học do trường xây dựng phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, được bổ sung cập nhật nội dung chương trình giáo dục tiên tiến quốc tế theo định hướng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học – công nghệ, kinh tế – xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế. Chương trình đào tạo thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình; tỷ lệ phân bổ thời gian đào tạo giữa các học phần cơ bản và chuyên ngành, giữa lý thuyết và thực hành, có khả năng liên thông giữa các bậc và các ngành đào tạo khác.

2. Mỗi chương trình gắn với một ngành (kiểu đơn ngành) hoặc với một vài ngành (kiểu song ngành, kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu 2 văn bằng) và được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Sinh viên tích lũy đủ các học phần của chương trình đào tạo sẽ được cấp bằng tốt nghiệp.

3. **Đề cương chi tiết** của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), nội dung lý thuyết và thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo với khối lượng của mỗi chương trình như sau:

- Chương trình đào tạo đại học 6 năm: 215 tín chỉ (dao động 5 tín chỉ).
- Chương trình đào tạo đại học 5 năm: 180 tín chỉ (dao động 5 tín chỉ).
- Chương trình đào tạo đại học 4 năm: 145 tín chỉ (dao động 5 tín chỉ).
- Chương trình đào tạo cao đẳng 3 năm: 110 tín chỉ (dao động 5 tín chỉ).

Lưu ý: Số tín chỉ được quy định này bao gồm cả khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.

Điều 3. Học phần và Tín chỉ

1. **Học phần** là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần được gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có tên riêng và được ký hiệu bằng một mã số riêng do trường quy định.

2. Có bốn loại học phần: học phần bắt buộc, học phần tự chọn, học phần tiên quyết, học phần điều kiện.

a) **Học phần bắt buộc** là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

b) **Học phần tự chọn** là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn để tích lũy theo hướng dẫn của Khoa nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình đào tạo.

c) **Học phần tiên quyết** là học phần mà sinh viên phải tích lũy mới được đăng ký học học phần tiếp theo.

d) **Học phần điều kiện** là học phần mà sinh viên phải hoàn thành nhưng kết quả thi không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy. Các học phần điều kiện gồm: Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất.

3. **Tín chỉ** được sử dụng để tính khối lượng kiến thức của chương trình đào tạo và khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; hoặc 30 - 45 tiết thực hành, thí nghiệm, thảo luận; hoặc 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; hoặc 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đề án, khóa luận tốt nghiệp.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

Số tiết, số tín chỉ, thời gian tự học, thời gian làm việc của giảng viên, cách đánh giá học phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của từng học phần.

5. Một tiết học được tính bằng 50 phút.

Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy

Sinh viên phải dự lớp 100% số giờ đối với các học phần thực hành, thí nghiệm, thực tập ngoài trường, Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất; phải tham dự tối thiểu 80% số giờ đối với các học phần lý thuyết. Sinh viên vắng lên lớp nhiều hơn thời gian quy định sẽ bị cấm thi. Cán bộ giảng dạy (CBGD) học phần đề nghị Khoa duyệt danh sách sinh viên bị cấm thi và cho điểm F vào bảng điểm.

Công tác giảng dạy – học tập được thực hiện 6 ngày/tuần (*trừ Chủ nhật*). Thời gian giảng dạy trong ngày được phân bố như bảng dưới đây:

BUỔI HỌC	TIẾT HỌC	GIỜ HỌC	THỜI GIAN NGHỈ
SÁNG	1	07.00 – 07.50	Không
	2	07.50 – 08.40	Không
	3	08.40 – 09.30	20 phút
	4	09.50 – 10.40	Không
	5	10.40 – 11.30	
CHIỀU	6	13.00 – 13.50	Không
	7	13.50 – 14.40	20 phút
	8	15.00 – 15.50	Không
	9	15.50 – 16.40	Không
	10	16.40 – 17.30	
TỐI	11	18.15 – 19.05	Không
	12	19.05 – 19.55	Không
	13	19.55 – 20.45	Không

Trong trường hợp cụ thể, Hiệu trưởng có thể điều chỉnh thời gian giảng dạy cho phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

Một môn học được bố trí không quá 3 tiết/1 buổi học. Những trường hợp đặc biệt phải có sự cho phép của Hiệu trưởng nhà trường.

Chương II

TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 5. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Các trường tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ.

a) **Khóa học** là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình đào tạo cụ thể. Tùy thuộc chương trình, khóa học được quy định như sau:

▪ **Đào tạo trình độ cao đẳng** được thực hiện từ hai đến ba năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo;

▪ **Đào tạo trình độ đại học** được thực hiện từ bốn đến sáu năm học tùy theo ngành nghề đào tạo đối với người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp; từ hai năm rưỡi đến bốn năm học đối với người có bằng tốt nghiệp trung cấp cùng ngành đào tạo; từ một năm rưỡi đến hai năm học đối với người có bằng tốt nghiệp cao đẳng cùng ngành đào tạo.

b) **Một năm học** có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ chính có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi. Ngoài hai học kỳ chính, nhà trường tổ chức thêm một học kỳ hè để sinh viên có điều kiện được học lại; học bù hoặc học vượt. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức tối thiểu quy định cho các chương trình đào tạo, nhà trường dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo.

3. Thời gian thiết kế cho một chương trình đào tạo tùy theo bậc/ngành học. Thời gian cho phép để hoàn thành chương trình đào tạo tối đa là gấp hai lần so với thời gian thiết kế cho chương trình đó. Cụ thể theo bảng dưới đây:

Chương trình đào tạo	Thời gian thiết kế	Thời gian tối đa
Liên thông TC-CD	1,5 năm	3 năm
Liên thông CD-ĐH	1,5 năm	3 năm
Cao đẳng	3 năm	6 năm
Đại học	4 năm	8 năm
	4,5 năm	9 năm
	5 năm	10 năm
	6 năm	12 năm

Những sinh viên được hưởng ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy thì không giới hạn về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo.

Điều 6. Đăng ký nhập học

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại phòng Công tác Chính trị - Quản lý sinh viên.

2. Sau khi xem xét thấy đủ điều kiện nhập học, phòng đào tạo trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận người đến học là sinh viên chính thức của trường.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học phải được trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

Điều 7. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình hoặc ngành đào tạo

1. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo chương trình (hoặc theo ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, thì những thí sinh đạt yêu cầu xét tuyển được trường sắp xếp vào học các chương trình (hoặc ngành đào tạo) đã đăng ký.

2. Đối với những trường xác định điểm trúng tuyển theo nhóm chương trình (hoặc theo nhóm ngành đào tạo) trong kỳ thi tuyển sinh, đầu khóa học trường công bố công khai chỉ tiêu đào tạo cho từng chương trình (hoặc từng ngành đào tạo). Căn cứ vào đăng ký chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo), điểm thi tuyển sinh và kết quả học tập, trường sắp xếp sinh viên vào các chương trình (hoặc ngành đào tạo). Mỗi sinh viên được đăng ký một số nguyện vọng chọn chương trình (hoặc ngành đào tạo) theo thứ tự ưu tiên. Hiệu trưởng quy định số lượng và tiêu chí cụ thể đối với từng chương trình (hoặc ngành đào tạo) để sinh viên đăng ký.

Điều 8. Lớp chuyên ngành và Cố vấn học tập

Những sinh viên cùng khóa tuyển của một Khoa được tổ chức thành một **lớp chuyên ngành**. Lớp chuyên ngành được tổ chức theo Quy chế Công tác sinh viên. Mỗi lớp chuyên ngành có một tên riêng gắn với ngành, khóa đào tạo và do một **Cố vấn học tập** (CVHT) phụ trách. CVHT đảm nhiệm vai trò cố vấn học tập cho sinh viên trong lớp về các vấn đề học vụ, giúp đỡ sinh viên lập kế hoạch học tập trong từng học kỳ và kế hoạch cho toàn bộ khóa học.

Tổ chức hoạt động của lớp chuyên ngành, vai trò và trách nhiệm của CVHT được quy định rõ trong quy chế công tác sinh viên của Trường.

Điều 9. Lớp học phần và điều kiện mở lớp

Lớp học phần là lớp gồm các sinh viên đăng ký học cùng học phần trong một học kỳ. Mỗi học phần có thể có nhiều lớp học phần với mã số khác nhau do Trường quy định. Lớp học phần sẽ được mở nếu số lượng sinh viên đăng ký:

- Tối thiểu là 50 sinh viên đối với các học phần cơ bản chung, các học phần cơ sở nhóm ngành.
- Tối thiểu là 30 sinh viên đối với các học phần còn lại.

Trong trường số lượng sinh viên ít hơn mức tối thiểu, Hiệu trưởng sẽ xem xét cho phép mở lớp theo đề nghị của Khoa và phòng Đào tạo. Các học phần đặc biệt như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp được mở không hạn chế số lượng.

Điều 10. Xếp hạng năm đào tạo và học lực

1. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào khối lượng kiến thức tích lũy, sinh viên được xếp hạng năm đào tạo: sinh viên năm thứ nhất, sinh viên năm thứ hai, sinh viên năm thứ ba, sinh viên năm thứ tư, sinh viên năm thứ năm, sinh viên năm thứ sáu. Quy chuẩn để xác định một sinh viên đang học ở giai đoạn nào, năm thứ mấy từ khi nhập học vào một khóa học, ngành đào tạo được tính như sau:

- Sinh viên năm thứ nhất nếu chỉ tích lũy dưới 35 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ hai nếu tích lũy từ 35 tới dưới 70 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ ba nếu tích lũy từ 70 tới dưới 105 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ tư nếu tích lũy từ 105 tới dưới 140 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ năm nếu tích lũy từ 140 tới dưới 175 tín chỉ;
- Sinh viên năm thứ sáu nếu tích lũy từ 175 tới dưới 210 tín chỉ;

Tổng quát, sinh viên năm thứ Y_k nếu tích lũy từ $35*(Y_k-1)$ tới dưới $35*Y_k$ tín chỉ;

2. Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào **điểm trung bình chung tích lũy**, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) **Hạng bình thường**: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên;
- b) **Hạng yếu**: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.

3. Kết quả học tập trong học kỳ phụ được gộp vào kết quả học tập trong học kỳ chính ngay trước học kỳ phụ để xếp hạng sinh viên về học lực.

Điều 11. Nghỉ học tạm thời

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

a) Được điều động vào các lực lượng vũ trang;

b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị trong thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ quan y tế;

c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Điều 16 của Quy chế này và phải đạt điểm trung bình chung tích lũy không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này.

2. Khi hết thời gian nghỉ học tạm thời, sinh viên muốn trở lại học tiếp tại trường phải viết đơn gửi Hiệu trưởng ít nhất một tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

Điều 12. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học

1. **Cảnh báo kết quả học tập** được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Việc cảnh báo kết quả học tập của sinh viên được dựa trên các điều kiện sau:

a) **Điểm trung bình chung tích lũy** đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khóa;

b) **Điểm trung bình chung học kỳ** đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

Sinh viên đã bị cảnh báo học vụ ở học kỳ trước – mức 1, nếu trong lần xử lý học vụ tiếp theo kết quả học tập vẫn không được cải thiện – tiếp tục vi phạm các quy định nói trên, thì cảnh báo được nâng lên mức 2. Nếu kết quả học tập tiếp tục không được cải thiện sang học kỳ thứ 3 liên tiếp thì sinh viên sẽ bị xem xét đưa vào danh sách buộc thôi học.

Các sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập phải tăng cường liên hệ với CVHT để được tư vấn về kế hoạch học tập của cá nhân – phải giảm số tín chỉ đăng ký trong học kỳ để phù hợp với sức học. Sinh viên sẽ được tự động xóa tên trong danh sách theo dõi cảnh báo kết quả học tập nếu kết quả học tập trong kỳ tiếp theo không còn vi phạm các điều kiện nêu ở trên.

2. Sau mỗi học kỳ, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

- a) Bị cảnh báo kết quả học tập 3 học kỳ liên tiếp;
- b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại khoản 3 Điều 5 của Quy chế này;
- c) Vi phạm kỷ luật đến mức phải buộc thôi học;
- d) Không đăng ký học phần hoặc đăng ký không đủ số tín chỉ tối thiểu mà không được sự cho phép của trường 2 học kỳ chính liên tiếp trở lên;
- e) Tự ý bỏ học không có lý do – có điểm trung bình chung học kỳ bằng 0 ở một học kỳ chính;

3. Chậm nhất là một tháng sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, trường sẽ gửi thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

Những trường hợp bị buộc thôi học tại điểm a, điểm b khoản 2 của Điều này, sinh viên có thể xin xét chuyển sang học các chương trình đào tạo ở các trình độ thấp hơn hoặc chương trình giáo dục thường xuyên tương ứng và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

Điều 13. Chuyển trường

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

- a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;
- b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;
- c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;
- d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

- a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;
- b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;
- c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;
- d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường;

b) Hiệu trưởng trường có sinh viên xin chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

CHƯƠNG III

ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN

Điều 14. Trách nhiệm của Trường và của sinh viên trong việc đăng ký học phần

1. Trách nhiệm của Trường:

▪ Đầu khóa học trường cung cấp cho sinh viên chương trình đào tạo ngành học, quy định về công tác học vụ và bố trí CVHT cho từng lớp chuyên ngành.

▪ CVHT chịu trách nhiệm quản lý sinh viên, tư vấn xây dựng **kế hoạch học tập (KHHT)** và thực hiện quá trình học tập theo đúng quy định của trường.

▪ Trước mỗi học kỳ, trường thông báo cho sinh viên danh sách những học phần dự kiến sẽ giảng dạy trong học kỳ đó và **thời khóa biểu (TKB)** của từng học phần tương ứng.

2. Trách nhiệm của sinh viên:

▪ Sinh viên phải xây dựng KHHT toàn khóa bằng cách liệt kê các môn học cần phải học trong từng học kỳ của khóa học. KHHT phải được CVHT phê duyệt. KHHT là cơ sở để sinh viên có thể đăng ký môn học trong mỗi học kỳ.

▪ Tất cả sinh viên đều phải thực hiện đăng ký học phần dựa trên KHHT đã được duyệt trước khi học kỳ mới bắt đầu. Sinh viên mới trúng tuyển không phải đăng ký học phần cho năm học đầu tiên của khóa học.

Điều 15. Khối lượng học tập tối thiểu và tối đa trong mỗi học kỳ

Khối lượng học tập tối thiểu mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định như sau:

▪ **Học kỳ chính:** Sinh viên có học lực bình thường đăng ký học **ít nhất 16 tín chỉ** và **tối đa 24 tín chỉ**. Sinh viên có học lực yếu đăng ký học **ít nhất 10 tín chỉ** và **tối đa 18 tín chỉ**.

▪ **Học kỳ hè:** sinh viên đăng ký học **tối đa 08 tín chỉ**. Trường không bắt buộc sinh viên phải học trong học kỳ này.

- Tổng số tín chỉ của các học phần học lại, cải thiện và các học phần mới không được đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa quy định cho mỗi học kỳ.
- Trong trường hợp đặc biệt sinh viên muốn đăng ký vượt quá số tín chỉ tối đa hoặc ít hơn số tín chỉ tối thiểu phải được sự đồng ý của Hiệu trưởng.
- Đối với những sinh viên có học kỳ cuối còn lại ít hơn 16 tín chỉ theo chương trình đào tạo của khóa học thì không áp dụng quy định số tín chỉ tối thiểu.
- Đối với 2 học kỳ của năm học đầu tiên, sinh viên không phải đăng ký học phần. Các học phần của 2 học kỳ này sẽ do trường bố trí.
- Tùy theo năng lực học tập, Trường khuyến khích sinh viên đăng ký học với số tín chỉ tối đa để rút ngắn thời gian hoàn thành khóa học.
- Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng môn học và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

Điều 16. Quy trình đăng ký học phần

- **Bước 1:** Sinh viên xây dựng KHHT của mỗi học kỳ bằng cách liệt kê các học phần cần phải học trong học kỳ đó dựa trên chương trình đào tạo, danh sách các học phần dự kiến được giảng dạy và tham khảo ý kiến của CVHT. KHHT phải được CVHT phê duyệt.
- **Bước 2:** Sinh viên dựa vào KHHT và Thời khóa biểu các học phần giảng dạy trong học kỳ do trường công bố để đăng ký học phần trực tuyến theo kế hoạch chung.
- **Bước 3:** Trường xử lý kết quả sinh viên đã đăng ký và công bố cho sinh viên kiểm tra, điều chỉnh nếu cần.
- **Bước 4:** Sinh viên nhận kết quả đăng ký học phần và đóng học phí theo đúng thời gian quy định.

Lưu ý:

- Danh mục các học phần sẽ mở ở các học kỳ được quy định trong danh mục tra cứu chương trình đào tạo; và được công bố 6 tuần trước khi bắt đầu học kỳ.
- Danh mục các học phần đủ điều kiện tổ chức giảng dạy sẽ được công bố 1 tuần trước khi bắt đầu học kỳ.
- Trong khoảng thời gian đăng ký học phần theo kế hoạch chung của nhà trường, sinh viên có thể rút bớt, đăng ký bổ sung những học phần mới thay cho các học phần mà Trường không thể mở được. Sau thời gian trên, kết quả đăng ký học phần của sinh viên sẽ được cố định.
- Sinh viên phải đăng ký đúng những học phần đã đăng ký trong KHHT (ngoại trừ những trường hợp trùng thời khóa biểu, vi phạm điều kiện ràng buộc học phần tiên quyết, sinh viên mới được hủy bớt học phần đã đăng ký trong KHHT).

○ Muốn rút bớt học phần, sinh viên nộp đơn được CVHT chấp thuận và có xác nhận của cán bộ giảng dạy (CBGD) lớp học phần cho phòng Đào tạo. Những học phần xin rút bớt được nhận điểm rút môn học (W) trong bảng điểm học kỳ.

○ Chậm nhất là tuần lễ thứ 8 của học kỳ chính và tuần lễ thứ 2 của học kỳ hè nếu thấy việc học khó khăn có thể dẫn đến kết quả kém, sinh viên có thể rút bớt học phần đã đăng ký nhưng không được hoàn trả lại học phí. Trong các học kỳ chính, số học phần còn lại sau khi rút bớt không được thấp hơn khối lượng học tập tối thiểu.

○ Sinh viên đã đăng ký học phần nhưng không đi học hoặc không dự thi kết thúc học phần sẽ bị điểm F của học phần đó.

Điều 17. Xóa, mở thêm lớp học phần

1. **Xóa lớp học phần:** trường sẽ xóa những lớp học phần có số lượng đăng ký ít hơn số lượng tối thiểu để mở lớp học phần theo quy định. Trong khoảng thời gian đăng ký học phần, những sinh viên đã đăng ký các học phần bị xóa do không đủ điều kiện mở lớp được phép đăng ký học phần khác để thay thế.

2. **Mở thêm lớp học phần:** Trong thời gian quy định đăng ký học phần của học kỳ, nếu có nhiều hơn số lượng tối thiểu (để xem xét mở lớp học phần theo quy định) sinh viên có nguyện vọng học và được Khoa/Bộ môn phụ trách học phần đó chấp thuận, Trường sẽ mở thêm lớp học phần theo đề nghị.

Điều 18. Đăng ký học lại

1. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy. Nếu là học phần bắt buộc sinh viên phải đăng ký học lại những học phần này; Nếu là học phần tự chọn, sinh viên có thể đăng ký học lại hoặc chọn học phần tự chọn khác. Trong trường hợp sinh viên khi đã tích lũy đủ số tín chỉ của nhóm tự chọn, nếu có học phần không đạt thuộc cùng nhóm tự chọn, sinh viên có quyền nộp đơn đề nghị loại bỏ những học phần có kết quả không đạt để không tham gia vào tính điểm trung bình tích lũy.

2. Các học phần đã tích lũy điểm, sinh viên có thể đăng ký học lại để cải thiện kết quả. Điểm của học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần học.

Điều 19. Học cùng lúc hai chương trình

1. **Học cùng lúc hai chương trình** dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sinh viên đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất.

c) Sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu ở chương trình thứ nhất;

d) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thủ tục đăng ký học thêm chương trình thứ hai:

a) Sinh viên đăng ký học chương trình thứ hai qua mạng, in đơn “Học ngành thứ hai” từ website, ký tên và nộp tại phòng Đào tạo để trình Hiệu trưởng quyết định.

b) Nếu được chấp thuận, sinh viên căn cứ vào KHHT chương trình thứ hai để đăng ký học phần theo chương trình chung của Trường.

c) Sau khi tốt nghiệp chương trình thứ nhất, sinh viên mang hồ sơ đã được chấp nhận chương trình thứ hai đến phòng Đào tạo để làm thủ tục chuyển chương trình đào tạo.

4. Sinh viên học hai chương trình chỉ được hưởng các chế độ quyền lợi đối với chương trình thứ nhất.

5. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 3 Điều 6 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

6. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Điều 20. Đánh giá học phần

1. **Học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành:** Tùy theo tính chất của học phần, **điểm tổng hợp đánh giá học phần** (gọi tắt là **điểm học phần**) được tính từ **điểm thành phần** bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm thực hành; điểm chuyên cần; điểm kiểm tra giữa học phần; điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá thành phần và trọng số của các điểm đánh giá thành phần, cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do giảng viên đề xuất,

được Khoa/Bộ môn phụ trách học phần phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần. CBGD có trách nhiệm công bố cho sinh viên biết trong buổi học đầu tiên.

2. Học phần thực hành: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của điểm các bài thực hành trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

Điều 21. Cách tính điểm thành phần, điểm học phần

1. Điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. **Điểm học phần** là tổng điểm của tất cả các điểm thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, được cán bộ phụ trách quản lý điểm nhập điểm vào phần mềm quản lý trực tuyến và sau đó được hệ thống quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4. Cách quy đổi điểm được thực hiện theo bảng dưới đây:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

- Học phần chỉ được tích lũy khi đạt từ điểm D trở lên.
- Điểm học phần sẽ được công bố và ghi nhận với điểm số theo thang điểm 10 và điểm chữ. Điểm chữ được quy đổi sang điểm số theo thang điểm 4 để tính Điểm trung bình chung học kỳ và Điểm trung bình chung tích lũy.

- Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ, khi đánh giá được sử dụng các ký hiệu sau:

I Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X Chưa nhận được kết quả thi.

- Đối với những học phần được nhà trường cho phép chuyển điểm, khi đánh giá được sử dụng ký hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B+, B, C+, C, D+, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại ở mức điểm F ngoài những trường hợp như đã nêu ở khoản 3 Điều này, còn áp dụng cho trường hợp sinh viên vi phạm nội quy thi, có quyết định phải nhận mức điểm F.

5. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được trưởng Khoa cho phép;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được trưởng Khoa chấp thuận.

Trừ các trường hợp đặc biệt do nhà trường quy định, trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

6. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà phòng Đào tạo của trường chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ Khoa chuyển lên.

7. **Ký hiệu R** được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt.

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

8. Các điểm học phần khác:

▪ **Điểm M:** Dùng để xác nhận học phần sinh viên được miễn học do đã tích lũy được bằng các hình thức khác. Điểm M không được tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL. Để nhận điểm M, sinh viên phải làm đơn có ý kiến của CVHT và nộp cho Khoa xem xét theo từng học kỳ, kèm theo giấy tờ hợp lệ.

▪ **Điểm W:** Dành cho các học phần mà sinh viên được phép rút bớt theo quy định tại Điều 16. Điểm W không tính vào ĐTBCHK và ĐTBCTL.

Điều 22. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần và số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Cuối mỗi học kỳ, trường tổ chức một kỳ thi chính cho tất cả sinh viên và một kỳ thi lần 2 sau đó. Kỳ thi lần 2 tổ chức sớm nhất là hai tuần sau kỳ thi chính. Đối tượng tham dự kỳ thi lần 2:

- Những sinh viên không tham dự kỳ thi chính.
- Có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính.

2. Những sinh viên bị điểm D và D+ có quyền đăng ký thi cải thiện kết quả học tập. Những sinh viên này phải hoàn thành thủ tục đăng ký dự thi và đóng lệ phí thi theo quy định của Trường để được dự thi trong kỳ thi lần 2. Điểm học phần sẽ là điểm cao nhất trong các lần thi.

3. Phòng Đào tạo lập kế hoạch thi, Khoa/Bộ môn tổ chức thi kết thúc các học phần do Khoa/Bộ môn phụ trách theo kế hoạch của phòng Đào tạo. Khoa/Bộ môn bố trí cán bộ coi thi. Mỗi phòng thi viết phải đảm bảo có 2 cán bộ coi thi.

4. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Hàng năm, nhà trường quy định cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không có lý do chính đáng coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm 0 ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi một lần ở kỳ thi lần 2 sau đó.

6. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng ở kỳ thi chính, nếu được phòng Đào tạo cho phép, được dự thi ở kỳ thi lần 2 ngay sau đó, điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu. Trường hợp thi không đạt trong kỳ thi lần 2, những sinh viên này sẽ phải dự thi tại các kỳ thi kết thúc học phần ở các học kỳ sau hoặc học kỳ hè.

Điều 23. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi hoặc lấy từ ngân hàng đề thi được thực hiện theo quy định của Hiệu trưởng. Trưởng bộ môn phân công giảng viên ra đề thi và ký duyệt đề thi.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là thi viết (trắc nghiệm hoặc tự luận), vấn đáp, viết tiểu luận, làm bài tập lớn, hoặc kết hợp giữa các hình thức trên. Hiệu trưởng duyệt các hình thức thi thích hợp cho từng học phần và được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

3. Việc chấm thi kết thúc các học phần chỉ có lý thuyết và việc chấm tiểu luận, bài tập lớn phải do hai giảng viên đảm nhiệm.

Hiệu trưởng quy định việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi và lưu giữ các bài thi sau khi chấm. Thời gian lưu giữ các bài thi viết, tiểu luận, bài tập lớn ít nhất là hai năm, kể từ ngày thi hoặc ngày nộp tiểu luận, bài tập lớn.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn hoặc trưởng Khoa quyết định.

5. Thời hạn tối đa công bố điểm cho sinh viên là 14 ngày kể từ ngày thi. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của trường, có chữ ký của hai cán bộ coi thi, hai giảng viên chấm thi và làm thành bốn bản.

Một bản lưu tại Bộ môn, một bản lưu tại văn phòng Khoa, một bản gửi về phòng Đào tạo của trường và một bản gửi về Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, chậm nhất một tuần sau khi kết thúc chấm thi học phần.

Điều 24. Cách tính điểm trung bình chung

1. **Học phần đã tích lũy:** là học phần có kết quả đạt từ điểm D trở lên. Các học phần có điểm F sẽ không được tích lũy.

2. **Số tín chỉ tích lũy:** là tổng số tín chỉ của các học phần đã tích lũy.

3. **Điểm trung bình chung học kỳ (ĐTBCHK):** là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong học kỳ (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện), với trọng số là số tín chỉ của các học phần đó. ĐTBCHK là cơ sở để đánh giá kết quả học tập, xét học bổng, khen thưởng, cảnh báo kết quả học tập sau mỗi học kỳ.

4. **Điểm trung bình chung năm học (ĐTBCNH):** là trung bình có trọng số của điểm các học phần mà sinh viên đã học trong 2 học kỳ chính (kể cả các học phần bị điểm F và học phần điều kiện).

5. **Điểm trung bình chung tích lũy (ĐTBCCTL):** là trung bình có trọng số của điểm các học phần đã tích lũy tính đến thời điểm xét (không bao gồm các học phần điều kiện, và các học phần bị điểm F). ĐTBCCTL là cơ sở để đánh giá kết quả học tập trong suốt thời gian học, xếp hạng học lực, xếp hạng tốt nghiệp, xét học chương trình thứ hai và cảnh báo kết quả học tập sau mỗi học kỳ.

6. Điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung năm học và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

7. ĐTBCHK, ĐTBCHNH dùng để xét học bổng, khen thưởng sau mỗi học kỳ, năm học chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. ĐTBCHK và ĐTBCTL dùng để xét thôi học, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

8. Xếp loại học tập học kỳ, năm học: căn cứ ĐTBCHK, ĐTBCHNH sinh viên được xếp loại học tập như sau:

Xếp loại	Điểm trung bình chung
Xuất sắc	3,60 - 4,00
Giỏi	3,20 - 3,59
Khá	2,50 - 3,19
Trung bình	2,00 - 2,49
Trung bình yếu	1,00 - 1,99
Kém	<1,00

Điều 25. Điểm rèn luyện

1. **Mức độ rèn luyện** của sinh viên được đánh giá từng học kỳ của hai học kỳ chính và đo lường bằng **điểm rèn luyện (ĐRL)** được chấm theo thang điểm 100 dựa vào Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo. ĐRL cả năm là trung bình cộng của ĐRL hai học kỳ chính. Học kỳ hè không tính ĐRL. Mức độ rèn luyện của sinh viên được phân loại dựa vào ĐRL như dưới đây:

* Từ 90 đến 100 điểm	Loại xuất sắc
* Từ 80 đến cận 90 điểm	Loại tốt
* Từ 70 đến cận 80 điểm	Loại khá
* Từ 60 đến cận 70 điểm	Loại trung bình khá
* Từ 50 đến cận 60 điểm	Loại trung bình
* Từ 30 đến cận 50 điểm	Loại yếu
* Dưới 30 điểm	Loại kém

Những sinh viên bị kỷ luật từ mức cảnh cáo của Trường trở lên trong học kỳ thì mức xếp loại không được vượt quá loại trung bình.

2. Sử dụng điểm rèn luyện:

- ĐRL toàn khóa học được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên, ghi vào bảng điểm toàn khóa của sinh viên khi ra trường.

- Sinh viên bị xếp loại rèn luyện kém trong cả năm học sẽ bị đình chỉ học tập một năm ở năm học tiếp theo và nếu bị xếp loại kém cả năm lần thứ hai (trong toàn khóa học) thì sẽ bị buộc thôi học.

- ĐRL của sinh viên từng học kỳ là tiêu chí để xét học bổng khuyến khích học tập, xếp loại và khen thưởng cuối mỗi năm học.

Điều 26. Xếp loại và khen thưởng

1. Xếp loại:

Các sinh viên học đủ số tín chỉ theo quy định, có tiến độ học tập trong khung thời gian thiết kế chương trình đào tạo, không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách của Trường trở lên, đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện sẽ được xếp loại như sau:

- Sinh viên xuất sắc: học tập xuất sắc và rèn luyện từ loại tốt trở lên.
- Sinh viên giỏi: học tập từ giỏi trở lên và rèn luyện từ loại tốt trở lên;
- Sinh viên khá: học tập từ khá trở lên và rèn luyện từ loại khá trở lên.

2. Khen thưởng:

- Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc sớm hơn thời gian thiết kế của CTĐT:
 - Sinh viên giỏi toàn khóa trở lên sẽ được cấp giấy khen.
 - Sinh viên thủ khoa của ngành/chuyên ngành đào tạo được xếp loại khá toàn khóa trở lên sẽ được cấp giấy khen và phần thưởng.
- Khen thưởng sinh viên cuối mỗi học kỳ, năm học: Trường xét cấp giấy khen và phần thưởng cho mỗi lớp chuyên ngành có sinh viên được xếp loại giỏi trở lên.

3. Định mức khen thưởng do Hiệu trưởng quyết định.

Chương V

XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 27. Thực tập cuối khóa, làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp

1. Quy định cụ thể đối với bậc Đại học và Cao đẳng:

a) **Bậc Đại học:** Vào học kỳ cuối, tất cả sinh viên đều phải hoàn thành khối lượng kiến thức tốt nghiệp được tính bằng 12 tín chỉ. Cụ thể:

- Thực tập cuối khóa và làm đồ án tốt nghiệp (Đối với khối kỹ thuật công

nghe) hoặc khóa luận tốt nghiệp (đối với các ngành học còn lại) được tính bằng 12 tín chỉ.

▪ Sinh viên không thuộc diện làm đề án hay khóa luận tốt nghiệp phải hoàn thành thực tập cuối khóa và tiểu luận (chuyên đề) tốt nghiệp được tính 08 tín chỉ và học 02 học phần thay thế với tổng khối lượng 04 tín chỉ.

b) **Bậc Cao đẳng:** Vào học kỳ cuối, tất cả sinh viên đều phải thực tập cuối khóa và làm khóa luận tốt nghiệp cao đẳng được tính 06 tín chỉ và học 02 học phần thay thế với tổng khối lượng 04 tín chỉ.

c) Sinh viên sau khi thực tập tốt nghiệp phải có bản báo cáo và phải được giảng viên hướng dẫn kiểm tra để đánh giá kết quả. Nếu không đạt yêu cầu theo đề cương thực tập thì sinh viên phải đi thực tập lại. Mọi chi phí sinh viên phải tự lo liệu.

d) Năm học cuối khóa, nếu sinh viên đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì không được đăng ký làm đề án, khóa luận tốt nghiệp hoặc thi tốt nghiệp.

2. Điều kiện để sinh viên được làm đề án, khóa luận tốt nghiệp

a) Đã tích lũy đủ số học phần của chương trình tới thời điểm xét.

b) Điểm trung bình chung học tập đạt mức quy định của nhà trường.

c) Năm học cuối khóa không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Có giảng viên đủ trình độ (kể cả người ngoài trường) nhận hướng dẫn và phải được Ban chủ nhiệm Khoa đồng ý.

Tùy theo năng lực đội ngũ giảng viên đăng ký đề tài, điều kiện cơ sở vật chất, Khoa đề nghị số lượng sinh viên được làm tốt nghiệp để Hiệu trưởng phê duyệt. Nhà trường khuyến khích sinh viên làm đề án, khóa luận và tự tìm thầy hướng dẫn tốt nghiệp khi số lượng đề tài đăng ký hướng dẫn của giảng viên trong Khoa không đáp ứng đủ nhưng phải được Khoa cho phép.

3. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đề án, khóa luận tốt nghiệp, trường có thể bố trí thời gian làm đề án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa.

Điều 28. Đánh giá đề án, khoá luận tốt nghiệp

1. Tùy theo từng chương trình, nhà trường quy định cách thức đánh giá đề án, khoá luận tốt nghiệp. Việc đánh giá mỗi đề án, khoá luận tốt nghiệp phải do ít nhất 2 giảng viên đảm nhiệm.

2. Điểm của đề án, khoá luận tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 theo quy định tại khoản 2, Điều 22 của Quy chế này. Điểm đề án, khoá luận tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên có đồ án, khoá luận tốt nghiệp bị điểm F, phải đăng ký làm lại đồ án, khoá luận tốt nghiệp; hoặc phải đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Điều 29. Thực tập cuối khóa và điều kiện xét tốt nghiệp của một số ngành đào tạo đặc thù

Đối với một số ngành đào tạo đặc thù thuộc các lĩnh vực Nghệ thuật, Kiến trúc, Y tế, nhà trường quy định nội dung, hình thức thực tập cuối khóa; hình thức chấm đồ án, khoá luận tốt nghiệp; điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp phù hợp với đặc điểm các chương trình.

Điều 30. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp

1. Sinh viên được trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy chế này;

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và hoàn thành học phần Giáo dục thể chất đối với các ngành không chuyên về thể dục - thể thao;

e) Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2. Sau mỗi học kỳ, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền làm Chủ tịch, trưởng phòng đào tạo làm Thư ký và các thành viên là các trưởng Khoa chuyên môn, trưởng phòng công tác sinh viên.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Điều 31. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo chính (đơn ngành hoặc song ngành). Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học, như sau:

- Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần. Trong bảng điểm còn phải ghi chuyên ngành (hướng chuyên sâu) hoặc ngành phụ (nếu có).

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại khoản 1 Điều 30 của Quy chế này đối với một số chương trình đào tạo tương ứng với các ngành đào tạo khác nhau, thì sinh viên được cấp các bằng tốt nghiệp khác nhau tương ứng với các ngành đào tạo đó.

5. Sinh viên còn nợ chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất, nhưng đã hết thời gian tối đa được phép học, trong thời hạn 5 năm tính từ ngày phải ngừng học, được trở về trường trả nợ để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của trường. Những sinh viên này nếu có nguyện vọng, được quyền làm đơn xin chuyển qua các chương trình khác theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Quy chế này.

Chương VI

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 32. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra

1. Trong khi dự kiểm tra thường xuyên, chuẩn bị tiểu luận, bài tập lớn, thi giữa học phần, thi kết thúc học phần, chuẩn bị đồ án, khóa luận tốt nghiệp, nếu vi phạm quy chế, sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật với từng học phần đã vi phạm.

2. Sinh viên đi thi hộ hoặc nhờ người khác thi hộ, đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập một năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

3. Trừ trường hợp như quy định tại khoản 2 của Điều này, mức độ sai phạm và khung xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm được thực hiện theo các quy định của Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Điều khoản thi hành

Quy chế này được áp dụng cho sinh viên đại học và cao đẳng hệ chính quy thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ tại Trường Đại học Tây Đô. Trong phạm vi của mình, quy chế này là quy định đầy đủ và cao nhất áp dụng cho sinh viên trong quá trình theo học bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy tại trường Đại học Tây Đô.

Các văn bản, các điều khoản do trường quy định trước đây trái với quy chế này đều bị bãi bỏ. Việc điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của quy chế do Hiệu trưởng quyết định theo đề nghị của Hội đồng Khoa học.

Q.HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

Phan Văn Thơm